Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên
Cơ quan: Tỉnh Phú Yên
Ngày ký: 06-09-2022 09:41:25 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30 /2022/NQ-HĐND	*Phú Yên, ngày 30 tháng 8 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2.Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 30 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 9 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC, LĐTB&XH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Viện KSND, TAND, Cục THADS tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Phú Yên, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Cao Thị Hòa An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên

(Kèm theo Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn Phú Yên (sau đây viết tắt là Chương trình) là căn cứ để lập, thẩm định và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình cho các cấp, các ngành, địa phương và đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh (gọi tắt là sở, ngành); các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là các huyện); các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là các xã) và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thẩm định và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình đề ra; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện đầu tư công năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

6. Đối với các dự án, tiểu dự án thực hiện trên địa bàn liên huyện (liên vùng) thì phân bổ vốn cho các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh chủ trì thực hiện. Đối với các dự án, tiểu dự án thực hiện trên địa bàn 01 huyện (liên xã) thì phân bổ vốn cho huyện chủ trì thực hiện.

7. Các địa phương không bố trí đủ vốn đối ứng trong năm kế hoạch theo quy định, khi phân bổ kế hoạch năm sau, ngân sách tỉnh sẽ trừ tương ứng với số vốn đối ứng còn thiếu của địa phương.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn

1. Quy mô hộ nghèo, hộ cận nghèo; tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo của các huyện để tính hệ số căn cứ quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

2. Đơn vị hành chính cấp xã để tính hệ số căn cứ quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi để tính hệ số căn cứ số liệu năm 2020 theo báo cáo của Sở Y tế.

4. Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số căn cứ báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2020 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.

Điều 5. Định mức và phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

1. Phân bổ 100% vốn cho cấp huyện.

2. Tiêu chí, hệ số và phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

a) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,45
- Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
- Từ 4.000 hộ trở đến dưới 5.000 hộ	0,6
- Từ 5.000 hộ trở lên	0,7
3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Mỗi xã/phường/thị trấn	0,009

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$C_i = Q \times X_i \times Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện thứ i

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo,tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

Y_i là tổng hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^{n} X_i \times Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho tỉnh để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

Điều 6. Định mức và phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

1. Phân bổ 100% vốn cho cấp huyện

2. Tiêu chí, hệ số và phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

a) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,45
- Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
- Từ 4.000 hộ trở đến dưới 5.000 hộ	0,6
- Từ 5.000 hộ trở lên	0,7
3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Mỗi xã/phường/thị trấn	0,009

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$Đ_i = Q \times X_i \times Y_i$$

Trong đó:

$Đ_i$ là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện thứ i

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

Y_i là tổng hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^{n} X_i \times Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

Điều 7. Định mức và phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3: Cải thiện dinh dưỡng

1. Phân bổ vốn.

Cấp tỉnh (Sở Y tế) tối đa 30%; cấp huyện tối thiểu 70% trên tổng nguồn vốn ngân sách nhà nước phân bổ

2. Tiêu chí, hệ số và phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

a) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Mỗi xã/phường/thị trấn	0,009
2. Tiêu chí 2: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện	
- Trên 20%	1,6
- Từ 15% đến 20%	1,4
- Từ 10% đến dưới 15%	1,2
- Dưới 10%	1

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$E_i = Q \times Y_i \times DD_i$$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện thứ i

DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện thứ i

Y_i là tổng hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^{n} X_i \times DD_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước để phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình sau khi trừ đi phần vốn phân bổ cấp sở, ngành tỉnh.

Điều 8. Định mức và phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp

1. Phân bổ 100% vốn cho cấp huyện (08 đơn vị, không phân bổ vốn cho thành phố Tuy Hoà)

2. Tiêu chí, hệ số và phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

a) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,45
- Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
- Từ 4.000 hộ trở đến dưới 5.000 hộ	0,6
- Từ 5.000 hộ trở lên	0,7
3. Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện	
- Dưới 200 người/năm	0,5
- Từ 200 người/năm đến dưới 350 người/năm	0,6
- Từ 350 người/năm trở lên	0,7
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Mỗi xã/phường/thị trấn	0,009

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$K_i = Q \times X_i$$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện thứ i

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + + Y_i + TS_i$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

Y_i là tổng hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh các đối tượng của Tiểu dự án trên địa bàn huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^{n} X_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho tỉnh thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

Điều 9. Định mức và phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4: Hỗ trợ việc làm bền vững

Phân bổ 100% vốn (bao gồm vốn đầu tư và sự nghiệp) cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 10. Định mức và phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6: Giảm nghèo về thông tin

1. Phân bổ vốn

Hằng năm phân bổ tối đa 150 triệu đồng cho cấp huyện thực hiện, phần vốn còn lại phân bổ cho Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn và phương pháp tính cho các huyện

a) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,45
- Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
- Từ 4.000 hộ trở đến dưới 5.000 hộ	0,6
- Từ 5.000 hộ trở lên	0,7
3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Mỗi xã/phường/thị trấn	0,009

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$N_i = Q \times X_i \times Y_i$$

Trong đó:

N_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện thứ i

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

Y_i là hệ số tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^{n} X_i \times Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6 sau khi trừ đi phần vốn phân bổ cấp sở, ngành tỉnh.

Điều 11. Định mức và phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

1. Phân bổ vốn

a) Dưới 500 triệu: các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện 100%;

b) Từ 500 triệu trở lên: Tối thiểu 65% cho các sở, ban ngành cấp tỉnh; tối đa 35% cho các huyện.

2. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn và phương pháp tính cho các huyện

a) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,45
- Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
- Từ 4.000 hộ trở đến dưới 5.000 hộ	0,6
- Từ 5.000 hộ trở lên	0,7
3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Mỗi xã/phường/thị trấn	0,009

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$P_i = Q \times X_i \times Y_i$$

Trong đó:

P_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện thứ i

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

Y_i là tổng hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^{n} X_i \times Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 2, thuộc Dự án 6 sau khi trừ đi phần vốn phân bổ cấp sở, ngành tỉnh.

Điều 12. Định mức và phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 7: Nâng cao năng lực

1.Phân bổ vốn: Tối thiểu 70% cho các sở ban, ngành cấp tỉnh và tối đa 30% cấp huyện.

2.Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn và phương pháp tính cho các huyện

a)Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,45
- Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
- Từ 4.000 hộ trở đến dưới 5.000 hộ	0,6
- Từ 5.000 hộ trở lên	0,7
3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Mỗi xã/phường/thị trấn	0,009

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$K_i = Q \times X_i \times Y_i$$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện thứ i

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

Y_i là tổng hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^{n} X_i \times Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiểu Dự án 1 thuộc Dự án 7 sau khi trừ đi phần vốn phân bổ cấp sở, ngành tỉnh.

Điều 13. Định mức và phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 7: Giám sát, đánh giá

1. Phân bổ vốn: Tối thiểu 60% cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh; tối đa 40% cho cấp huyện.

2. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn và phương pháp tính cho các huyện

a)Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,45
- Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
- Từ 4.000 hộ trở đến dưới 5.000 hộ	0,6
- Từ 5.000 hộ trở lên	0,7
3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Mỗi xã/phường/thị trấn	0,009

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$R_i = Q \times X_i \times Y_i$$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện thứ i

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

Y_i là tổng hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^{n} X_i \times Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiểu Dự án 2 thuộc Dự án 7 sau khi trừ đi phần vốn phân bổ cấp sở, ngành tỉnh.

Điều 14. Định mức tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

Trên cơ sở nguồn ngân sách nhà nước được phân bổ, vốn đối ứng ngân sách địa phương đảm bảo tối thiểu 15% và được quy định cụ thể như sau:

1. Đối với các sở, ngành: ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 100% vốn đối ứng.

2. Thành phố Tuy Hoà, thị xã Đông Hoà và thị xã Sông Cầu ngân sách cấp huyện đảm bảo 100%.

3. Các huyện Đồng Xuân, Sơn Hoà và Sông Hinh ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 70% và ngân sách cấp huyện đảm bảo 30%.

4. Các huyện còn lại ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 50% và ngân sách cấp huyện đảm bảo 50%.

Điều 15: Quy định về cơ chế phân bổ vốn ngân sách nhà nước cấp huyện cho các cơ quan liên quan và cấp xã

Đối với các huyện, tiêu chí và hệ số phân bổ nêu trên là cơ sở để phân bổ nguồn ngân sách nhà nước bổ sung cho từng huyện. Căn cứ đặc điểm tình hình từng địa phương, UBND cấp huyện xây dựng phương án phân bổ cho các cơ quan, đơn vị cấp huyện và ngân sách cấp xã trình HĐND cùng cấp quyết định chi tiết theo từng nhiệm vụ, dự án, tiểu dự án, phù hợp nhiệm vụ và dự toán cấp trên giao, thực hiện thủ tục phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn liên quan để triển khai thực hiện./.